

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày: 18 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Duy Thẩm;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Lê Phương N**, sinh năm 1987; HKTT: Tổ 1, ấp 1, xã N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Tạm trú: Tổ 4, ấp 7, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà **Chu Thị H**, sinh năm 1967; vắng mặt.

2.2. Ông **Ngô Văn H1**, sinh năm 1966; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 1, xã N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp cho bà Hà: Ông **Ngô Văn Th**, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 25/02/2023). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Nguyễn Ngọc Th1**, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 4, ấp 7, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.2. Ông **Ngô Văn Th**, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Lê Phương N trình bày:

Vào ngày 21/8/2020, vợ chồng bà có cho vợ chồng ông H1, bà H vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích cho vay tiền để đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/tháng. Hẹn đến ngày 28/8/2020 sẽ hoàn trả lại cho vợ chồng bà.

Đến hẹn, vợ chồng ông H1, bà H không thực hiện việc trả tiền cho vợ chồng bà mà chỉ hứa khi nào bán được đất sẽ hoàn trả lại tiền.

Ngày 04/9/2020, bà H có trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc 200.000.000 đồng.

Ngày 27/01/2021, bà Nguyễn Thị Kim D là con dâu của vợ chồng ông H1, bà H trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc 100.000.000 đồng.

Từ ngày vay đến nay bà chưa nhận được số tiền lãi nào của bà H, ông H1.

Trong đơn khởi kiện có yêu cầu bà H, ông H1, bà D trả số tiền vay nhưng nay xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu bà D cùng có nghĩa vụ trả tiền mà chỉ có yêu cầu ông H1, bà H trả số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/01/2021 cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Chu Thị H trình bày:

Vào ngày 21/8/2020, bà N, ông Th1 có đến nhà vợ chồng bà để đưa số tiền 200.000.000 đồng để giao lại cho ông Th và yêu cầu vợ chồng bà ký vào giấy nhận nợ 400.000.000 đồng (trong đó có số tiền 200.000.000 đồng ông Th đã nhận trước đó và 200.000.000 đồng bà mới vừa nhận) và vợ chồng bà có ký giấy nợ cho ông Th1, bà N số tiền vay 400.000.000 đồng, khi ký giấy vay tiền thì vợ chồng bà không có ghi nhận tiền thay cho ông Th. Đến ngày 04/9/2020 thì bà có trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng và đã trả lãi xong của số tiền vay gốc 200.000.000 đồng. Ngày 27/01/2021 bà có đưa cho bà D (vợ ông Th) số tiền 100.000.000 đồng để trả cho ông Th1, bà N.

Khi vay thì hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 5%/tháng, trong giấy nợ thì không ghi thỏa thuận tiền lãi, không có thể chấp tài sản gì cho bà N, ông Th1.

Ngoài ra, ông Th có trả cho bà N số tiền (thông qua tin nhắn Zalo) xác nhận giữa bà N và ông Th thì ông Th đã trả cho bà N số tiền lãi của số tiền vay 200.000.000 đồng từ ngày 21/8/2020 đến ngày 27/01/2021 là 66.800.000 đồng, số tiền ông Th trả cho bà N là tiền vay mà vợ chồng bà đã ký cho bà N.

Ông Th còn chuyển khoản trả cho bà N số tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng tiền vay gốc, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 29/4/2021 chuyển khoản trả 5.000.000 đồng.

Lần thứ 2 Ngày 09/5/2021 chuyển khoản trả 10.000.000 đồng.

Lần thứ 3 Ngày 08/6/2021 chuyển khoản trả 10.000.000 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 21/9/2021 chuyển khoản trả 20.000.000 đồng.

Lần thứ 5: Ngày 02/10/2022 chuyển khoản trả 15.000.000 đồng.

Các lần chuyển khoản thì bà có in qua tin nhắn điện thoại và có cung cấp cho Tòa án.

Số tiền mà ông Th chuyển khoản trả cho bà N là số tiền lãi của số tiền vay mà vợ chồng bà đã ký giấy nhận nợ cho ông Th1, bà N. Khi ông Th chuyển khoản cho bà N thì không có ghi nội dung chuyển khoản là gì, chỉ có ghi nội dung “Ngo Van Th chuyen khoan”.

Nay, ông Th1, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/01/2021 cho đến khi kết thúc vụ kiện thì bà không đồng ý, vì ông Th đã chuyển khoản 60.000.000 đồng trừ vào số tiền nợ gốc thì vợ chồng bà chỉ còn nợ lại số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và đã trả được số tiền lãi là 66.8000.000 đồng, bà yêu cầu Tòa án xem xét nếu bà đã trả số tiền lãi này vượt quá tiền lãi theo quy định của pháp luật thì yêu cầu khấu trừ vào số tiền gốc 40.000.000 đồng còn nợ.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2023, bị đơn ông Ngô Văn H1 trình bày:

Ông là chồng của bà Chu Thị H, thống nhất theo ý kiến của bà H. Không trình bày ý kiến bổ sung.

Tại bản tự khai ngày 13/02/2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Th1 trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Lê Phương N, thống nhất theo ý kiến, yêu cầu của bà N. Không trình bày ý kiến bổ sung.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Văn Th trình bày:

Ông là con của bà Chu Thị H, ông Ngô Văn H1. Ông thống nhất theo bản tự khai ngày 24/02/2023 của bà Chu Thị H. Không trình bày ý kiến bổ sung.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 01/2019 về lãi suất, Nghị quyết 326 về án phí và lệ phí:

Chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc bà H, ông H1 trả bà N số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Án phí: Bà H, ông H1 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Văn H1 là bị đơn; ông Nguyễn Ngọc Th1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Chu Thị H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt người đại diện hợp pháp của bà H là ông Ngô Văn Th tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, bà H, ông Th1.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 21/8/2020, vợ chồng bà Nguyễn Lê Phương N cho bà Chu Thị H, ông Ngô Văn H1 vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/tháng, hạn đến ngày 08/8/2020 sẽ trả đủ tiền gốc, lãi. Đến hạn trả, bà H, ông H1 chỉ trả được số tiền vay gốc 300.000.000 đồng. Nay, bà N yêu cầu bà H, ông H1 trả số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/01/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Bà H chỉ thừa nhận còn nợ lại số tiền 40.000.000 đồng nên các bên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lê Phương N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Quá trình giải quyết, bà Ngân có cung cấp chứng cứ giấy vay tiền ngày 21/8/2020, có chữ ký của bà H và ông H1, có nội dung: Bà Chu Thị H và ông Ngô Văn H1 có vay của bà Nguyễn Lê Phương N và ông Nguyễn Ngọc Th1 số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, hạn đến ngày 28/8/2020 sẽ trả. Bà H và ông H1 thừa nhận có ký vào giấy vay nêu trên.

Bà N thừa nhận bà H, ông H1 có trả được tổng cộng là 300.000.000 đồng (ngày 04/9/2020 trả 200.000.000 đồng; ngày 27/01/2021, bà D con dâu bà H trả 100.000.000 đồng), nên có căn cứ khẳng định, bà H và ông H1 còn nợ lại số tiền vay gốc 100.000.000 đồng.

Bà Chu Thị H, ông Ngô Văn H1 cho rằng số tiền 400.000.000 đồng trong giấy nợ ngày 21/8/2020 là ông bà nhận nợ thay cho ông Ngô Văn Th, bà H có đóng lãi cho bà N được 66.800.000 đồng nhưng ông H1, bà H không có chứng cứ chứng

minh. Bà N, ông Th1 cũng không thừa nhận nên lời trình bày của bà H không có căn cứ.

Đối với việc ông Th có chuyển khoản 05 lần số tiền 60.000.000 đồng, bà N cho rằng không liên quan đến khoản vay của bà H, ông H1 mà bà đang khởi kiện, bà H, ông H1 cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền chuyển khoản là tiền lãi của khoản vay 400.000.000 đồng, nên việc yêu cầu khấu trừ lãi suất không được xem xét.

[3.2] Xét về yêu cầu tính tiền lãi: Do giấy vay không thể hiện lãi suất, giữa bà N, bà H không thống nhất số tiền lãi nhưng có thể hiện ngày trả nợ là ngày 28/8/2020, nên lãi suất được tính kể từ ngày quá hạn 29/8/2020, với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tuy nhiên, bà N yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật (0,83%/tháng) tính từ ngày 27/01/2021 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định nên cần được chấp nhận.

Việc tính lãi sẽ được tính như sau: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 26 \text{ tháng} \times 22 \text{ ngày} = 22.188.600 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà H, ông H1 phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lê Phương N đối với bà Chu Thị H, ông Ngô Văn H1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Chu Thị H và ông Ngô Văn H1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Lê Phương N, ông Nguyễn Ngọc Th1 tổng số tiền 122.188.600 (một trăm hai mươi hai triệu một trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm) đồng.

Trong đó, tiền gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, tiền lãi là 22.188.600 (hai mươi hai triệu một trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án (bà Chu Thị H, ông Ngô Văn H1) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Bà Chu Thị H, ông Ngô Văn H1 phải chịu 6.109.400 (sáu triệu một trăm lẻ chín nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Lê Phương N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Lê Phương N số tiền 3.413.000 (ba triệu bốn trăm mười ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Ngân đã nộp theo biên lai thu số 0007762 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan